

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động
và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính**

Căn cứ Luật bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính, bao gồm: giấy phép bưu chính, giấy phép nhập khẩu tem bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (sau đây gọi chung là giấy phép).

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính phải nộp phí thẩm định và khi được cấp giấy phép bưu chính, giấy phép nhập khẩu tem bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính phải nộp lệ phí theo quy định của Thông tư này.

Điều 2. Cơ quan thu phí, lệ phí

1. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính và thu lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính đối với:

- Giấy phép bưu chính phạm vi liên tỉnh, quốc tế;
- Giấy phép nhập khẩu tem bưu chính;
- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính phạm vi liên tỉnh, quốc tế;
- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài theo quy định tại điểm d, đ, e, h khoản 1 Điều 25 Luật bưu chính.

2. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thu phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính đối với:

- Giấy phép bưu chính phạm vi nội tỉnh;
- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính phạm vi nội tỉnh;
- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính.

Điều 4. Quản lý sử dụng

Phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Đối với phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, cơ quan thu phí được để lại 90% số phí thu được để trang trải chi phí cho công tác tổ chức thu phí (trừ các khoản đã được ngân sách nhà nước thanh toán). Số tiền phí còn lại 10%, cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với lệ phí cấp giấy phép trong hoạt động bưu chính, cơ quan thu lệ phí phải nộp 100% số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký, kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực bưu chính không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn

thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014 và thay thế các quy định về hoạt động bưu chính tại điểm 6, 7, 8, 10 và 18 Biểu mức thu phí, lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông ban hành kèm Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông và Điều 1 Quyết định số 76/2006/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông về các nội dung liên quan đến lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính.

Riêng quy định về tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước đối với lệ phí thu được từ hoạt động viễn thông quy định tại Điều 1 Quyết định số 76/2006/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2006 có hiệu lực cho đến khi Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 và Quyết định số 76/2006/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2006 được thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn. / *lum*

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (5) (36/b)

KL. BỘ TRƯỞNG
T. A. THỦ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai



**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
VÀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP TRONG HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 185/2013/TT-BTC

Ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính)

A. Mức phí thẩm định

Stt	Nội dung thẩm định	Mức phí (1.000 đồng/lần)
I	Đối với các hoạt động thẩm định do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện	
1	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính	
1.1	Thẩm định lần đầu và thẩm định lại khi hết hạn	
	- Phạm vi liên tỉnh	21.500
	- Phạm vi quốc tế	29.500
	+ Quốc tế chiều đến	34.500
	+ Quốc tế chiều đi	39.500
	+ Quốc tế hai chiều	
1.2	Thẩm định sửa đổi, bổ sung	
1.2.1	Thẩm định mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ	
	- Phạm vi liên tỉnh	5.500
	- Phạm vi quốc tế	
	+ Quốc tế chiều đến	6.500
	+ Quốc tế chiều đi	7.500
	+ Quốc tế hai chiều	8.500
1.2.2	Thẩm định thay đổi các nội dung khác trong giấy phép	3.000
1.2.3	Thẩm định cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	2.500
2	Thẩm định điều kiện cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	
2.1	Thẩm định cấp lần đầu	
2.1.1	Trường hợp tự cung ứng dịch vụ	
	- Phạm vi liên tỉnh	2.500
	- Phạm vi quốc tế	
	+ Quốc tế chiều đến	2.500
	+ Quốc tế chiều đi	2.500
	+ Quốc tế hai chiều	2.500
2.1.2	Trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài	
	- Phạm vi liên tỉnh	3.500
	- Phạm vi quốc tế	
	+ Quốc tế chiều đến	3.500
	+ Quốc tế chiều đi	3.500
	+ Quốc tế hai chiều	3.500
2.1.3	Trường hợp làm văn phòng đại diện của	2.000

	doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài	
2.2	Thẩm định cấp lại khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	2.500
3	Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính	1.000
II	Đối với các hoạt động thẩm định do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện	
1	Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và cấp văn bản xác nhận hoạt động bưu chính nội tỉnh	Thu bằng 50% mức thu phí thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và cấp văn bản xác nhận hoạt động bưu chính liên tỉnh quy định tại Mục I Biểu này.
2	Thẩm định cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam	1.000

B. Mức lệ phí

1. Cấp giấy phép bưu chính, giấy phép nhập khẩu tem bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính lần đầu, cấp lại khi hết hạn cho các nội dung thẩm định quy định tại phần A Biểu này: 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng)/lần.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại (do mất hoặc hư hỏng) giấy phép bưu chính, giấy phép nhập khẩu tem bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho các nội dung quy định tại phần A Biểu này: 100.000 đ (một trăm nghìn đồng)/lần.